

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN ĐỊA KHỐI 10
CỦNG CỐ KIẾN THỨC VÀ BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bài 1: Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ

Câu 1: Đối tượng nào sau đây được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?

- A. Hải cảng B. Dòng biên C. Luồng di dân D. Hướng gió

Câu 2. Phương pháp kí hiệu là:

- A. Biểu hiện các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể
B. Biểu hiện sự di chuyển của các đối tượng, hiện tượng tự nhiên và kinh tế-xã hội
C. Biểu hiện các đối tượng phân bố không đồng đều bằng những điểm có giá trị như nhau
D. Biểu hiện các đối tượng phân bố trong những đơn vị phân chia lãnh thổ bằng các biểu đồ đặt trong các lãnh thổ đó

Câu 3. Phương pháp nào sau đây thường dùng để biểu hiện loại đối tượng địa lí không phân bố ở mọi nơi trên lãnh thổ, mà chỉ tập trung ở một khu vực nhất định?

- A. Chấm điểm. B. Đường đẳng trị.
C. Vùng phân bố. D. Bản đồ - biểu đồ.

Câu 4. Sự phân bố các cơ sở chăn nuôi thường được biểu hiện bằng phương pháp

- A. đường chuyển động. B. bản đồ - biểu đồ.
C. chấm điểm. D. kí hiệu.

Câu 5. Sự phân bố các điểm dân cư nông thôn thường được biểu hiện bằng phương pháp

- A. kí hiệu. B. bản đồ - biểu đồ.
C. chấm điểm. D. đường chuyển động.

Câu 6. Để thể hiện hướng di chuyển của bão trên Biển Đông vào nước ta, thường dùng phương pháp

- A. đường chuyển động. B. chấm điểm.
C. kí hiệu theo đường. D. khoanh vùng.

Câu 7. Phương pháp nào sau đây thường được sử dụng để biểu hiện diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh nước ta trong cùng một thời gian?

- A. Kí hiệu. B. Kí hiệu theo đường.
C. Chấm điểm. D. Bản đồ - biểu đồ.

Bài 2: Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống

Câu 1. Thiết bị nào sau đây bay quanh Trái Đất và phát tín hiệu có thông tin xuống Trái Đất?

- A. Vệ tinh tự nhiên. B. Vệ tinh nhân tạo.
C. Trạm hàng không. D. Các loại ngôi sao.

Câu 2. Ứng dụng nào sau đây không thuộc bản đồ số?

- A. Apple Maps. B. Google Maps. C. Here Maps. D. Book Maps.

Câu 3. Mục đích ban đầu ra đời của GPS phục vụ

- A. kinh tế. B. quân sự. C. giáo dục. D. dân sự.

Câu 4. Thiết bị thông minh nào sau đây được gắn định vị GPS?

- A. Nồi chiên không dầu. B. Máy lọc không khí.
C. Tủ lạnh samsung lớn. D. Điện thoại thông minh.

Câu 5. Ứng dụng nổi bật nhất của GPS là

- A. định tính. B. định lượng. C. định vị. D. định luật.

Câu 6. Công cụ truyền tải và giám sát tính năng định vị của GPS là

- A. bản đồ số. B. các vệ tinh. C. trạm điều khiển. D. thiết bị thu.

Bài 3: Một số ứng dụng của GPS và bản đồ trong đời sống

Câu 1. Để tìm hiểu về chế độ nước ta của một con sông, cần phải sử dụng bản đồ nào ?

- A. Bản đồ khí hậu. B. Bản đồ địa hình.
C. Bản đồ địa chất. D. Bản đồ nông nghiệp.

Câu 2. Để giải thích chế độ nước của một hệ thống sông, cần phải sử dụng bản đồ sông ngòi và các bản đồ

- A. khí hậu, địa hình B. thổ nhưỡng, khí hậu.
C. khí hậu, sinh vật. D. địa hình, thổ nhưỡng.

Câu 3. Trong học tập, bản đồ là một phương tiện để học sinh:

- A. Học thay sách giáo khoa. B. Học tập, rèn luyện các kỹ năng địa lí.
C. Thư giãn sau khi học xong bài. D. Xác định vị trí các bộ phận lãnh thổ học trong bài.

Câu 4. Đối với học sinh, bản đồ là phương tiện để

- A. thư giãn sau khi học bài. B. học tập và ghi nhớ các địa danh.
C. học tập và rèn các kỹ năng địa lí. D. học thay sách giáo khoa.

Bài 4: Trái đất, thuyết kiến tạo mảng

Câu 1. Nền của các lục địa được cấu tạo chủ yếu bởi tầng đá nào sau đây?

- A. Badan. B. Trầm tích. C. Biến chất. D. Granit.

Câu 2. Vỏ Trái Đất ở lục địa có độ dày là

- A. 50km. B. 70km. C. 90km. D. 30km.

Câu 3. Vỏ Trái Đất ở đại dương có độ dày là

- A. 30km. B. 50km. C. 5km. D. 15km.

Câu 4. Vỏ Trái Đất và phần trên của lớp Manti được cấu tạo bởi các loại đá khác nhau, còn được gọi là

- A. sinh quyển. B. thủy quyển. C. khí quyển. D. thạch quyển.

Câu 5. Lớp vỏ đại Dương khác với lớp vỏ lục địa ở chỗ

- A. tầng granit rất mỏng. B. không có tầng đá granit.
C. không có tầng đá trầm tích. D. có một ít tầng trầm tích.

Câu 6. Các tầng đá theo thứ tự từ trên xuống dưới của lớp vỏ lục địa là gì?

- A. Badan, trầm tích, granit. B. Granit, badan, trầm tích.
C. Trầm tích, badan, granit. D. Trầm tích, granit, badan.

Câu 7. Các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời là

- A. Trái Đất, Hoả tinh, Thủy tinh, Kim tinh. B. Hoả tinh, Trái Đất, Kim tinh, Thủy tinh.
C. Kim tinh, Trái Đất, Hoả tinh, Thủy tinh. D. Thủy tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hoả tinh.

Câu 8. Nơi tiếp xúc của các mảng kiến tạo thường là nơi

- A. có cảnh quan rất đa dạng. B. vùng bất ổn của Trái Đất.
C. con người tập trung đông. D. tập trung nhiều đồng bằng.

Bài 5: Hệ quả địa lí các chuyển động của trái đất

Câu 1. Những nơi nào sau đây trong năm không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh?

- A. Xích đạo và vòng cực. B. Vòng cực và chí tuyến.
C. Xích đạo và hai cực. D. Vòng cực và hai cực.

Câu 2. Mặt Trời lên thiên đỉnh là hiện tượng

- A. Mặt Trời ở đúng đỉnh đầu lúc 12 giờ trưa. B. Mặt Trời lên cao nhất ở đường chân trời.
C. tia mặt trời đến Trái Đất lúc 12 giờ trưa. D. tia sáng mặt trời vuông góc với Trái Đất.

Câu 3. Những nơi nào sau đây trong năm có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh?

- A. Vòng cực và chí tuyến. B. Chí tuyến và Xích đạo.
C. Chí tuyến và hai cực. D. Xích đạo và vòng cực.

Câu 4. Nguyên nhân tạo nên hiện tượng chuyển động biểu kiến hàng năm của mặt Trời là do

- A. Trái Đất chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời. B. Mặt Trời đứng yên khi T.Đất quay quanh trục.
C. Mặt Trời đứng yên khi Trái Đất chuyển động. D. T.Đất tự chuyển động quanh trục của mình.

Câu 5. Ngày 22/12, Mặt Trời lên thiên đỉnh ở vĩ độ nào sau đây?

- A. 23°27'B. B. 23°27'N. C. 66°33'N. D. 66°33'B.

Câu 6. Những ngày nào sau đây ở mọi nơi trên Trái Đất có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

- A. 22/6 và 21/3. B. 23/9 và 22/6. C. 21/3 và 23/9. D. 21/3 và 22/12.

Câu 7. Trái Đất tự quay quanh trục sinh ra hệ quả nào dưới đây?

- A. Các mùa trong năm. B. Sự luân phiên ngày, đêm.
C. Chuyển động biểu kiến hằng năm. D. Ngày, đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.

Câu 7. Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm là do

- A. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ tây sang đông.
B. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình elip gần tròn.

- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo trục nghiêng và không đổi hướng.
D. Trái Đất thực hiện cùng lúc hai chuyển động tự quay và quay quanh Mặt Trời.

Câu 8. Do Trái Đất có dạng hình cầu nên có hiện tượng nào dưới đây?

- A. luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng và một nửa không được chiếu sáng.
B. lúc nào trong ngày cũng nhận được Mặt Trời chiếu sáng suốt 24h.
C. Trái Đất thực hiện nhiều chuyển động trong 1 năm và gây ra nhiều thiên tai.
D. trên Trái Đất bất kì khu vực nào cũng có 4 mùa điển hình với ngày đêm dài bằng nhau.

Câu 19. Vì sao trên bề mặt Trái Đất có hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau với nhịp điệu 24 giờ?

- A. Trái Đất tự quay quanh trục
B. Trục Trái Đất nghiêng.
C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
D. Trái Đất có dạng hình khối cầu.

Câu 10. Tại sao bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm?

- A. Trái Đất tự quay quanh trục.
B. Trục Trái Đất nghiêng.
C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
D. Trái Đất có dạng hình khối cầu.

Câu 11. Nếu múi giờ số 12 đang là 18 giờ ngày 15 – 2 thì cùng lúc đó Việt Nam (múi giờ số 7) đang là mấy giờ, ngày bao nhiêu?

- A. 13 giờ ngày 15 - 2.
B. 13 giờ ngày 14 - 2.
C. 23 giờ ngày 15 - 2.
D. 23 giờ ngày 14 - 2.

Giải thích: Việt Nam (múi giờ số 7) và khu vực múi giờ số 12 chênh nhau: 12 giờ - 7 giờ = 5 giờ.

- Múi giờ số 7 nằm ở bên trái múi giờ số 12 nên có giờ đến muộn hơn => Số giờ tại múi giờ số 7 = Số giờ (ở múi giờ 12) – số giờ chênh lệch = 18 giờ – 5 giờ = 13 giờ ngày 15 – 2. Như vậy, nếu múi giờ số 12 đang là 18 giờ ngày 15 – 2 thì cùng lúc đó Việt Nam (múi giờ số 7) đang là 13 giờ ngày 15 – 2.

Câu 12. Giờ quốc tế (giờ GMT) được tính theo giờ của múi giờ số mấy?

- A. Múi giờ số 0.
B. Múi giờ số 6
C. Múi giờ số 12.
D. Múi giờ số 18.

Câu 13. Theo cách tính giờ múi, trên Trái Đất lúc nào cũng có một múi giờ mà ở đó có hai ngày lịch khác nhau, nên phải chọn một đối tượng làm mốc để đổi ngày. Đối tượng đó là

- A. Kinh tuyến 180 độ.
B. Bán cầu Tây.
C. Bán cầu Đông.
D. Kinh tuyến 0 độ.

Bài 6: Thạch quyển, nội lực

Câu 1. Nguồn năng lượng sinh ra nội lực chủ yếu là

- A. năng lượng của bức xạ Mặt Trời.
B. năng lượng ở trong lòng Trái Đất.
C. năng lượng do con người gây ra.
D. năng lượng từ các vụ nổ thiên thể.

Câu 2. Tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất không dẫn đến hiện tượng nào sau đây?

- A. Biển tiến, biển thoái.
B. Uốn nếp hoặc đứt gãy.
C. Nâng lên, hạ xuống.
D. Bão, lụt và hạn hán.

Câu 3. Nguyên nhân của hiện tượng biển tiến, biển thoái là do

- A. vận động nâng lên và hạ xuống.
B. tác động của hải lưu chạy ven bờ.
C. biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra.
D. ảnh hưởng của địa hình ven biển.

Câu 4. Tác động nào sau đây làm cho biển tiến và biển thoái?

- A. Lục địa nâng lên, hạ xuống
B. Các lớp đá mềm bị uốn nếp.
C. Động đất, núi lửa hoạt động
D. Các lớp đá cứng bị đứt gãy.

Câu 5. Vận động kiến tạo theo phương thẳng đứng xảy ra không phải do nguồn năng lượng của

- A. các phản ứng hóa học khác nhau.
B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.
C. sự phân huỷ các chất phóng xạ.
D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 6. Biểu hiện nào sau đây là kết quả của vận động nội lực theo phương thẳng đứng?

- A. Các địa lũy.
B. Núi uốn nếp.
C. Các địa hào.
D. Lục địa nâng.

Câu 7. Biểu hiện nào sau đây là kết quả của vận động nội lực theo phương thẳng đứng?

- A. Các địa lũy.
B. Núi uốn nếp.
C. Các địa hào.
D. Lục địa nâng.

Câu 8. Địa hào thường được sinh ra trong điều kiện các lớp đá

- A. uốn nếp.
B. trôi lên.
C. xô lệch.
D. sụt xuống.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây không đúng với vận động nội lực theo phương nằm ngang

XEM LẠI

- A. Các lục địa nâng lên, hạ xuống. B. Sinh ra những địa lũy, địa hào.
 C. Tạo nên những nơi núi uốn nếp. D. Có hiện tượng động đất, núi lửa.
- Câu 10. Vận động kiến tạo theo phương nằm ngang xảy ra không phải do nguồn năng lượng của
 A. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất. B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.
 C. các phản ứng hóa học khác nhau. D. sự phân huỷ các chất phóng xạ.
- Câu 11. Vận động nội lực theo phương nằm ngang không làm
 A. những nơi địa lũy. B. những nơi địa hào.
 C. lục địa nâng lên. D. thành núi uốn nếp.
- Câu 12. Hiện tượng đứt gãy không phải là nguyên nhân hình thành dạng địa hình nào sau đây?
 A. Nếp uốn. B. Hẻm vực. C. Địa hào. D. Thung lũng.
- Câu 13. Địa lũy thường được sinh ra trong điều kiện các lớp đá
 A. sụt xuống. B. trôi lên. C. uốn nếp. D. xô lệch.
- Câu 14. Các lớp đá bị đứt gãy trong điều kiện vận động kiến tạo theo phương
 A. ngang ở vùng đá cứng. B. ngang ở vùng đá mềm.
 C. đứng ở vùng đá mềm. D. đứng ở vùng đá cứng.
- Câu 15. Biểu hiện rõ rệt nhất của vận động theo phương thẳng đứng là
 A. sự mở rộng của các đồng bằng hạ lưu các sông lớn.
 B. sự nâng cao địa hình ở các vùng núi được uốn nếp.
 C. sự thay đổi mực nước biển, đại dương ở nhiều nơi.
 D. các thiên tai ở vùng biển xảy ra thường xuyên hơn.
- Câu 16. Đặc điểm của vận động theo phương thẳng đứng là
 A. xảy ra rất chậm trên một diện tích nhỏ. B. xảy ra rất chậm trên một diện tích lớn.
 C. xảy ra rất nhanh trên một diện tích lớn. D. xảy ra rất nhanh trên một diện tích nhỏ.
- Câu 17. Ở vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo không bao giờ là
 A. có xảy ra các loại hoạt động kiến tạo. B. có những sông núi ngầm ở đại dương.
 C. có nhiều hoạt động núi lửa, động đất. D. những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.

Bài 7: Ngoại lực

- Câu 1. Lực phát sinh từ bên trong Trái Đất được gọi là
 A. lực hấp dẫn. B. ngoại lực. C. lực Côriôlit. D. nội lực.
- Câu 2. Ngoại lực là lực phát sinh từ
 A. lớp vỏ Trái Đất. B. bên trong Trái Đất.
 C. các thiên thể trong hệ Mặt Trời. D. bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất.
- Câu 3. Tác động của ngoại lực là một chu trình diễn ra tuần tự theo các quá trình sau
 A. phong hoá - vận chuyển - bóc mòn - bồi tụ. B. phong hoá - bồi tụ - bóc mòn - vận chuyển.
 C. phong hoá - bóc mòn - vận chuyển - bồi tụ. D. phong hoá - bóc mòn - bồi tụ - vận chuyển.
- Câu 4. Các tác nhân ngoại lực bao gồm
 A. khí hậu, nước, sinh vật. B. mưa gió, con người, các chất phóng xạ.
 C. phản ứng hoá học, nhiệt độ, nước chảy. D. chất phóng xạ, sóng biển, động - thực vật.
- Câu 5. Nguyên nhân nào sau đây làm cho phong hoá lí học xảy ra mạnh ở các miền khí hậu khô nóng?
 A. Nhiệt độ trung bình năm cao. B. Biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn.
 C. Thảm thực vật rất nghèo nàn. D. Lượng mưa trung bình năm nhỏ.
- Câu 6. Nguyên nhân nào sau đây làm cho phong hoá lí học xảy ra mạnh ở miền khí hậu lạnh?
 A. Lượng mưa trung bình năm nhỏ. B. Nhiệt độ trung bình năm thấp.
 C. Biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn. D. Nước thường hay bị đóng băng.

Câu 7. Phong hoá hoá học chủ yếu do

- A. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

- B. sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước.
 C. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.
 D. tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây.

Câu 8. Dạng địa hình nào sau đây được xem là kết quả của quá trình phong hoá hoá học là chủ yếu?

- A. Hang động đá vôi. B. Bậc thềm sóng vỗ. C. Địa hình phi-o. D. Bán hoang mạc.

Câu 9. Bồi tụ là quá trình

- A. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. B. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
 C. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác. D. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

Câu 10. Vận chuyển là quá trình

- A. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
 C. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây không đúng với vận động nội lực theo phương nằm ngang?

- A. Các lục địa nâng lên, hạ xuống. B. Sinh ra những địa lũy, địa hào.
 C. Tạo nên những nơi núi uốn nếp. D. Có hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 12. Vận động kiến tạo theo phương nằm ngang xảy ra không phải do nguồn năng lượng của

- A. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất. B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.
 C. các phản ứng hóa học khác nhau. D. sự phân huỷ các chất phóng xạ.

Câu 11. Các doi ven biển là kết quả trực tiếp của quá trình

- A. vận chuyển. B. bồi tụ. C. phong hoá. D. bóc mòn.

Câu 12. Địa lũy thường được sinh ra trong điều kiện các lớp đá

- A. sụt xuống. B. trôi lên. C. uốn nếp. D. xô lệch.

Câu 13. *Thung lũng sông* là kết quả trực tiếp của quá trình

- A. bóc mòn. B. vận chuyển. C. phong hoá. D. bồi tụ.

Câu 14. *Địa hình băng tích* là kết quả trực tiếp của quá trình

- A. vận chuyển. B. phong hoá. C. bóc mòn. D. bồi tụ.

Câu 15. Địa hình nào sau đây do quá trình bồi tụ tạo nên?

- A. Các rãnh nông. B. Hàm ếch sóng vỗ.
 C. Thung lũng sông. D. Bãi bồi ven sông.

Câu 16. Các *cồn cát ven biển* là kết quả trực tiếp của quá trình

- A. vận chuyển. B. bồi tụ. C. phong hoá. D. bóc mòn.

Câu 17. Kết quả của phong hoá hoá học là

- A. tạo thành lớp vỏ phong hoá ở bề mặt Trái Đất. B. tính chất hoá học của đá, khoáng vật biến đổi.
 C. đá bị nứt vỡ thành tảng và bị biến đổi màu sắc. D. đá bị nứt vỡ thành từng tảng nhỏ và mảnh vụn.

Câu 18. Vận động nội lực theo phương nằm ngang không làm

- A. những nơi địa lũy. B. những nơi địa hào.
 C. lục địa nâng lên. D. thành núi uốn nếp.

Bài 8: Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất

Câu 1. Từ xích đạo về cực có

- A. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời tăng, nhiệt độ hạ thấp.
 B. nhiệt độ hạ thấp, biên độ nhiệt độ trung bình năm giảm.
 C. biên độ nhiệt độ năm tăng, nhiệt độ trung bình năm tăng.
 D. nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm tăng.

Câu 2. Sự phân bố nhiệt độ trung bình năm trên Trái Đất có đặc điểm

- A. cao nhất ở xích đạo, thấp nhất ở cực Nam. B. cao nhất và thấp nhất đều ở trên lục địa.
 C. cao nhất ở hoang mạc, thấp nhất ở cực Bắc. D. cao nhất ở xích đạo, thấp nhất ở cực Bắc.

Câu 3. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm vì

- A. không khí càng loãng, bức xạ mặt đất càng mạnh. B. bức xạ mặt đất càng mạnh, mật độ khí càng đậm.
 C. bức xạ mặt đất càng yếu, không khí càng loãng. D. mật độ khí càng đậm, bức xạ mặt đất càng yếu.

Câu 4. Nhiệt độ không khí không thay đổi theo

- A. độ cao địa hình. B. hướng dãy núi. C. độ dốc địa hình. D. hướng sườn núi.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây không đúng với sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình?

- A. Nhiệt độ sườn dốc cao hơn sườn thoải. B. Nhiệt độ thay đổi theo các hướng sườn.
C. Càng lên cao, biên độ nhiệt độ càng lớn. D. Càng lên cao hơn, nhiệt độ càng giảm.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây không đúng với sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình?

- A. Nhiệt độ sườn dốc cao hơn sườn thoải. B. Nhiệt độ thay đổi theo các hướng sườn.
C. Càng lên cao, biên độ nhiệt độ càng lớn. D. Càng lên cao hơn, nhiệt độ càng giảm.

Giải thích: Độ cao, độ dốc, hướng sườn núi và hình thái địa hình đều có tác động đến sự thay đổi của nhiệt độ. Càng lên cao, không khí càng loãng, bức xạ nhiệt của mặt đất càng mạnh nên nhiệt độ càng giảm. Lên cao 100 m, nhiệt độ giảm $0,6^{\circ}\text{C}$. Sườn phơi nắng có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng. Địa hình cao, thoáng gió có biên độ nhiệt độ ngày đêm nhỏ hơn so với địa hình thấp trũng, khuất gió.

Câu 7. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm vì

- A. không khí càng loãng, bức xạ mặt đất càng mạnh. B. bức xạ mặt đất càng mạnh, mật độ khí càng đậm.
C. bức xạ mặt đất càng yếu, không khí càng loãng. D. mật độ khí càng đậm, bức xạ mặt đất càng yếu.

Câu 8. Frông là mặt ngăn cách giữa hai

- A. khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí B. khu vực cao áp khác biệt nhau về trị số áp.
C. dòng biển nóng và lạnh ngược hướng nhau. D. tầng khí quyển khác biệt nhau về tính chất.

Câu 9. Phong hoá là quá trình

- A. phá huỷ các loại đá và khoáng vật.
B. làm các sản phẩm đã bị phá huỷ dời khỏi vị trí ban đầu.
C. di chuyển các sản phẩm đã bị phá huỷ từ nơi này đến nơi khác.
D. tích tụ các sản phẩm đã bị phá huỷ tạo nên địa hình mới.

Câu 10. Frông ôn đới hình thành do sự tiếp xúc của hai khối khí

- A. ôn đới và chí tuyến. B. địa cực và ôn đới.
C. địa cực lục địa và địa cực hải dương. D. ôn đới lục địa và ôn đới hải dương.

Câu 11. Dải hội tụ nhiệt đới là mặt tiếp xúc của hai khối khí

- A. chí tuyến lục địa và xích đạo. B. chí tuyến hải dương và xích đạo.
C. chí tuyến và xích đạo. D. bắc xích đạo và nam xích đạo.

Câu 12. Dải hội tụ nhiệt đới khác với frông ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Phạm vi hoạt động hẹp, quanh khu vực xích đạo. B. Gây nhiều loạn thời tiết và gây ra mưa nhiều.
C. Di chuyển theo chuyển động biểu kiến của Mặt Trời. D. Là nơi gặp nhau của các khối khí khác nhau.

Câu 13. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

- A. bán cầu Tây. B. đại dương. C. bán cầu Đông. D. lục địa.

Câu 14. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

- A. xích đạo. B. chí tuyến. C. cực. D. vòng cực.

Câu 15. Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của

- A. thạch quyển. B. lớp manti trên. C. lớp vỏ lục địa. D. bức xạ mặt trời.

Câu 16. Nguyên nhân chính làm cho nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ xích đạo về hai cực là

- A. áp suất không khí giảm. B. thời gian chiếu sáng giảm.
C. không khí càng loãng. D. góc nhập xạ giảm.

Câu** Cho đoạn văn sau, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng, nhận xét nào sau đây là sai.

“Khí quyển của Trái Đất là một lớp không khí bao quanh hành tinh, chủ yếu bao gồm các khí như nitơ, oxy, và các khí vi lượng khác. Khí quyển không chỉ giúp duy trì sự sống bằng cách cung cấp oxy mà còn bảo vệ Trái Đất khỏi bức xạ mặt trời và các tác nhân từ không gian. Nhiệt độ trong khí quyển thay đổi theo độ cao, gây ra các hiện tượng thời tiết và khí hậu.”

- a. Khí quyển bảo vệ Trái Đất khỏi bức xạ mặt trời. Đ
b. Khí quyển chủ yếu bao gồm khí hydro và heli. S
c. Khí quyển có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự sống trên Trái Đất. Đ
d. Nhiệt độ trong khí quyển không thay đổi theo độ cao. S

BÀI 4: TRÁI ĐẤT, THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

Lựa chọn đáp án đúng sai cho các ý a, b, c, d

Câu 1: Sự di chuyển của các mảng kiến tạo trên Trái Đất ảnh hưởng đến sự hình thành địa hình như thế nào? lựa chọn đúng sai cho các ý a, b, c, d

- a. Khi hai mảng kiến tạo va chạm, núi lửa thường được hình thành tại điểm giao nhau. Đ
- b. Các mảng kiến tạo di chuyển theo hướng ngược nhau có thể gây ra động đất mạnh.Đ
- c. Các mảng kiến tạo chỉ di chuyển dọc theo bề mặt đại dương mà không ảnh hưởng đến lục địa.S
- d. Sự tách rời của các mảng kiến tạo có thể dẫn đến sự hình thành các đại dương và đứt gãy địa chất.S

Câu 2: Nguyên nhân chính gây ra sự di chuyển của các mảng kiến tạo là gì?

- a. Sự đối lưu của các dòng magma trong lớp vỏ Trái Đất.
- b. Sự co rút của Trái Đất khi nó nguội dần theo thời gian.
- c. Áp suất từ lõi Trái Đất làm cho các mảng kiến tạo trượt trên bề mặt của nó.
- d. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa lớp vỏ và lớp phủ gây ra chuyển động của mảng.

Câu 3: Các ranh giới mảng kiến tạo khác nhau dẫn đến các hiện tượng địa chất nào

- a. Tại các ranh giới phân kỳ, các mảng tách rời nhau và tạo ra núi lửa dưới biển.
- b. Tại các ranh giới hội tụ, các mảng kiến tạo trượt qua nhau mà không gây ra sự biến dạng địa chất lớn.
- c. Tại các ranh giới biến dạng, các mảng kiến tạo di chuyển ngang nhau và gây ra động đất.
- d. Tại các ranh giới phân kỳ, các mảng kiến tạo va chạm và tạo nên dãy núi.

Câu 4: Sự kiện nào dưới đây là kết quả của sự hội tụ giữa hai mảng kiến tạo lục địa

- a. Sự hình thành dãy núi Himalaya do sự va chạm giữa mảng Ấn Độ và mảng Á-Âu.
- b. Sự hình thành rãnh Mariana do sự hội tụ giữa mảng Thái Bình Dương và mảng Philippines.
- c. Sự trượt của mảng Bắc Mỹ dọc theo đứt gãy San Andreas gây ra động đất ở California.
- d. Sự mở rộng của đại dương Đại Tây Dương do sự tách rời của mảng Á-Âu và mảng Bắc Mỹ.

Câu 5: Trong quá trình di chuyển của các mảng kiến tạo, hiện tượng nào sau đây có thể xảy ra

- a. Mảng kiến tạo chìm xuống dưới một mảng khác khi hai mảng đại dương va chạm, tạo nên các hồ sâu dưới đại dương.
- b. Sự dịch chuyển của mảng kiến tạo có thể làm thay đổi từ trường của Trái Đất trong thời gian ngắn.
- c. Sự dịch chuyển của các mảng lục địa chỉ ảnh hưởng đến khu vực đại dương, không liên quan đến các lục địa.
- d. Một mảng kiến tạo có thể tách làm đôi và dần dần dịch chuyển thành hai mảng nhỏ hơn qua hàng triệu năm.

Câu 6: Sự khác biệt giữa các mảng kiến tạo lục địa và mảng kiến tạo đại dương là gì

- a. Mảng lục địa dày và nhẹ hơn mảng đại dương, nên chúng thường nổi lên trên mảng đại dương khi va chạm.
- b. Mảng đại dương có xu hướng chìm xuống dưới mảng lục địa trong các vùng hội tụ.
- c. Mảng lục địa được hình thành hoàn toàn từ các lớp đá trầm tích dày.
- d. Mảng đại dương chỉ có thể di chuyển ở khu vực đáy biển, không ảnh hưởng đến đất liền.

Câu 7: Các lý thuyết về sự hình thành mảng kiến tạo đã giúp các nhà khoa học hiểu rõ hơn về lịch sử địa chất của Trái Đất bằng cách nào

- A. Thuyết mảng kiến tạo giải thích cách các châu lục từng gắn kết với nhau và sau đó tách ra thành các lục địa ngày nay.
- b. Thuyết mảng kiến tạo cho rằng các lục địa chỉ dịch chuyển trong những chu kỳ ngắn, khoảng vài nghìn năm.
- c. Thuyết mảng kiến tạo giúp hiểu rõ quá trình tạo ra động đất và núi lửa tại các ranh giới mảng.
- d. Thuyết mảng kiến tạo cho thấy các mảng chỉ di chuyển khi có áp lực từ lõi Trái Đất tác động lên.

Hệ quả địa lí các chuyển động của trái đất

Câu 1: Cho đoạn thông tin sau:

“Chuyển động tự quay của Trái đất quanh trục của nó là một trong những chuyển động quan trọng nhất, kéo dài khoảng 24 giờ để hoàn thành một vòng quay. Hệ quả trực tiếp của chuyển động này là sự hình thành ngày và đêm, vì mặt Trái đất quay về phía mặt trời sẽ trở thành ngày, còn mặt đối diện sẽ là đêm. Chuyển động tự quay

cũng tạo ra hiện tượng lệch hướng của các vật thể di chuyển, được gọi là hiệu ứng Coriolis, ảnh hưởng đến hướng gió và dòng hải lưu. Ngoài ra, chuyển động này còn gây ra sự phân chia thời gian theo múi giờ, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến cách chúng ta tính toán và tổ chức các hoạt động toàn cầu”.

- Chuyển động tự quay của Trái đất tạo ra hiện tượng ngày và đêm khi mặt Trái đất quay về phía Mặt trời trở thành ban ngày, còn mặt đối diện trở thành ban đêm.
- Hiệu ứng Coriolis do chuyển động tự quay của Trái đất ảnh hưởng đến hướng gió và dòng hải lưu, giúp phân bố khí hậu và thời tiết toàn cầu.
- Chuyển động tự quay của Trái đất không ảnh hưởng đến sự thay đổi ngày và đêm, vì nó không liên quan đến việc Mặt trời chiếu sáng Trái đất.
- Chuyển động tự quay của TĐ không có ảnh hưởng gì đến khí hậu hoặc sự phân chia thời gian theo múi giờ.

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau:

“Chuyển động biểu kiến của Mặt trời là chuyển động mà chúng ta quan sát thấy từ Trái đất, nơi Mặt trời di chuyển từ đông sang tây mỗi ngày. Hệ quả địa lý của chuyển động này là sự thay đổi của các mùa trong năm, do góc chiếu sáng của Mặt trời thay đổi theo từng thời điểm trong năm. Vào mùa hè, các khu vực ở gần xích đạo nhận được ánh sáng Mặt trời trực tiếp hơn, dẫn đến thời gian ban ngày dài hơn và nhiệt độ cao hơn. Ngược lại, vào mùa đông, Mặt trời chiếu sáng một góc nhỏ hơn, làm cho các khu vực này có ban ngày ngắn hơn và nhiệt độ thấp hơn”.

- Chuyển động biểu kiến của Mặt trời tạo ra sự thay đổi của các mùa, khi Mặt trời chiếu sáng theo các góc khác nhau trong suốt năm.
- Vào mùa hè, các khu vực gần xích đạo nhận ánh sáng trực tiếp từ Mặt trời, dẫn đến ngày dài hơn và nhiệt độ cao hơn.
- Chuyển động biểu kiến của Mặt trời chỉ thay đổi vị trí Mặt trời trong ngày, không ảnh hưởng đến mùa hoặc nhiệt độ trên Trái đất.
- Mùa hè ở gần xích đạo không ảnh hưởng đến nhiệt độ hoặc độ dài của ngày, vì Mặt trời luôn chiếu sáng theo cùng một góc.

Câu 3: Cho đoạn thông tin sau:

“Trái đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo hình elip, hoàn thành một vòng quay trong khoảng 365,25 ngày, tạo ra năm. Hệ quả của chuyển động này là sự thay đổi của các mùa trong năm, khi Trái đất có những lúc gần Mặt Trời và lúc xa Mặt Trời, ảnh hưởng đến khí hậu và nhiệt độ ở các vùng miền. Vào mùa hè ở Bắc Bán cầu, Trái đất gần Mặt Trời, làm cho nhiệt độ cao hơn, trong khi mùa đông ở Nam Bán cầu có cùng hiện tượng tương tự. Sự thay đổi này cũng dẫn đến sự phân bố mưa, gió, và các kiểu khí hậu khác nhau giữa các vùng địa lý trên toàn cầu”.

- Trái đất di chuyển quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo hình elip, gây ra sự thay đổi các mùa và ảnh hưởng đến khí hậu và nhiệt độ.
- Vào mùa hè ở Bắc Bán cầu, Trái đất gần Mặt Trời hơn, làm cho nhiệt độ tăng cao, trong khi mùa đông ở Nam Bán cầu có hiện tượng tương tự.
- Quỹ đạo của Trái đất quanh Mặt Trời không ảnh hưởng đến các mùa, vì Trái đất luôn duy trì khoảng cách cố định với Mặt Trời.
- Mùa hè ở Bắc Bán cầu và mùa đông ở Nam Bán cầu xảy ra đồng thời, vì Trái đất luôn ở khoảng cách như nhau với Mặt Trời.

Câu 4: Cho thông tin sau:

“Trái Đất có dạng hình khối cầu và tự quay quanh trục từ tây sang đông, nên ở cùng một thời điểm, người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao khác nhau; vì vậy các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau, đó là giờ địa phương (hay giờ mặt trời). Giờ địa phương không thuận tiện trong đời sống, sản xuất. Do đó, người ta chia bề mặt Trái Đất làm 24 múi giờ, mỗi múi rộng 15 độ kinh tuyến. Các địa phương nằm trong cùng một múi giờ sẽ thống nhất có một giờ, đó là giờ múi.”

- Ở cùng một thời điểm, người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao giống nhau.
- Các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau.

- c. Giờ địa phương rất thuận tiện trong đời sống, sản xuất.
- d. Các địa phương nằm trong cùng một múi giờ sẽ thống nhất có một giờ, đó là giờ múi.

BÀI 7: NGOẠI LỰC

Câu 1: Cho đoạn văn sau, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng, nhận xét nào sau đây là sai
“Ngoại lực là các tác động lên bề mặt Trái Đất từ bên ngoài, chủ yếu do các yếu tố tự nhiên như gió, nước, băng và sự thay đổi nhiệt độ. Ngoại lực đóng vai trò quan trọng trong việc phá hủy, bào mòn, vận chuyển và tích tụ vật liệu trên bề mặt Trái Đất. Quá trình này diễn ra liên tục và làm thay đổi hình dạng của địa hình.”

- a. Ngoại lực có thể phá hủy và bào mòn các dạng địa hình. Đ
- b. Ngoại lực chỉ tác động lên bề mặt của Trái Đất mà không ảnh hưởng đến sự vận chuyển và tích tụ vật liệu. S
- c. Ngoại lực là nguyên nhân chính tạo ra sự thay đổi hình dạng của địa hình qua thời gian. Đ
- d. Ngoại lực không liên quan đến sự thay đổi nhiệt độ hay sự vận chuyển vật liệu. S

Câu 2: Dựa vào hình bên dưới, hãy chọn đâu là phương án đúng, đâu là phương án sai về quá trình phong hóa vật lí do nhiệt độ:

- a. Quá trình phong hóa vật lí do nhiệt độ chỉ xảy ra ở vùng khí hậu nhiệt đới.
- b. Sự thay đổi nhiệt độ đột ngột khiến các khoáng vật trong đá nở ra và co lại, gây ra các vết nứt và vỡ đá.
- c. Phong hóa lí học là một trong những hệ quả của ngoại lực
- d. Quá trình phong hóa này chủ yếu tác động lên các loại đá có thành phần khoáng vật đồng nhất.

Câu 3: Dựa vào dữ kiện bên dưới, hãy chọn đâu là phương án đúng, đâu là phương án sai
“Phong hóa là một quá trình ngoại lực quan trọng, liên quan đến việc phá hủy đá và khoáng vật do tác động của các yếu tố khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm và các tác nhân sinh học. Phong hóa có thể diễn ra theo hai dạng chính là phong hóa vật lý và phong hóa hóa học. Quá trình phong hóa không chỉ làm thay đổi cấu trúc của đá mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển của đất.”

- a. Phong hóa chủ yếu xảy ra do sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm.
- b. Phong hóa không có tác động gì đến sự phát triển của đất.
- c. Phong hóa có thể diễn ra dưới dạng vật lý hoặc hóa học.
- d. Chỉ có phong hóa hóa học mới phá hủy được cấu trúc của đá.

Câu 4: Dựa vào dữ kiện bên dưới, hãy chọn đâu là phương án đúng, đâu là phương án sai
“Xói mòn là một quá trình ngoại lực liên quan đến việc loại bỏ và vận chuyển vật liệu bề mặt do tác động của nước, gió, và băng. Xói mòn có thể làm thay đổi đáng kể cảnh quan tự nhiên, hình thành các thung lũng, khe núi, và các đồng bằng phù sa. Quá trình này cũng có thể gây ra sạt lở đất, ảnh hưởng đến môi trường sống và các hoạt động của con người.”

- a. Xói mòn không có tác động gì đến môi trường sống và các hoạt động của con người. (Sai)
- b. Xói mòn không liên quan đến sự hình thành các đồng bằng phù sa. (Sai)
- c. Xói mòn là quá trình vận chuyển vật liệu bề mặt do tác động của ngoại lực. (Đúng)
- d. Xói mòn có thể gây ra sự thay đổi lớn về cảnh quan tự nhiên. (Đúng)

Câu 5: Dựa vào dữ kiện bên dưới, hãy chọn đâu là phương án đúng, đâu là phương án sai
“Quá trình vận chuyển vật liệu bề mặt do ngoại lực diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau như nước chảy, gió cuốn và băng di chuyển. Sự vận chuyển này có thể diễn ra từ nơi có độ cao xuống nơi thấp hơn, từ đất liền ra biển, và có thể kéo dài hàng ngàn năm. Kết quả của quá trình vận chuyển là sự tích tụ vật liệu tại các khu vực mới, tạo nên các dạng địa hình như đồng bằng, cồn cát và trầm tích băng hà.”

- a. Vận chuyển vật liệu bề mặt có thể tạo ra các dạng địa hình mới như đồng bằng và cồn cát.
- b. Vật liệu bề mặt không bao giờ được vận chuyển từ đất liền ra biển.
- c. Quá trình vận chuyển vật liệu bề mặt có thể diễn ra trong một khoảng thời gian rất dài.
- d. Gió không tham gia vào quá trình vận chuyển vật liệu bề mặt.

Câu 6: Dựa vào dữ kiện bên dưới, hãy chọn đâu là phương án đúng, đâu là phương án sai

“Bào mòn là quá trình ngoại lực làm giảm kích thước và thay đổi hình dạng của các khối đá và đất thông qua tác động của gió, nước, và băng. Bào mòn diễn ra nhanh hơn ở những vùng có điều kiện khí hậu khắc nghiệt hoặc có độ dốc cao. Những hình thái địa hình đặc trưng như hẻm núi, hang động và các cấu trúc đá bị mài mòn khác thường là kết quả của quá trình bào mòn.”

- Bào mòn diễn ra nhanh hơn ở các vùng có độ dốc cao.
- Chỉ có nước mới có thể gây ra bào mòn đá.
- Bào mòn không liên quan đến khí hậu của một khu vực.
- Các hẻm núi và hang động có thể được hình thành do quá trình bào mòn.

Câu 7: Cho bức ảnh bên dưới, cho biết đâu là nhận xét đúng, đâu là nhận xét sai

- Sự tích tụ có thể tạo ra các vùng đất mới như đồng bằng và đồi cát.
- Cát và sỏi được sóng biển vận chuyển và lắng đọng tạo thành bãi biển, là kết quả của sự tích tụ
- Sự tích tụ trong tâm hình trên ở việc sóng đánh cát vào bờ
- Tích tụ không ảnh hưởng đến cảnh quan địa lý của một khu vực

Cách tính giờ trên trái đất

****Giờ múi, giờ địa phương:** (giờ địa phương - giờ trung bình Mặt Trời)

Giữa giờ múi và giờ địa phương có mối quan hệ đó là: Giờ của múi là giờ địa phương của kinh tuyến giữa múi. Như vậy khi biết giờ múi của một kinh độ, có thể xác định được giờ địa phương hoặc ngược lại biết giờ địa phương xác định được giờ múi.

$$T_M = T_m \square \square t$$

$$\text{Hay } T_m = T_M \square \square t$$

Trong đó: T_M là giờ múi; T_m là giờ địa phương hay giờ trung bình Mặt Trời; $\square t$ là khoảng chênh lệch thời gian giữa kinh độ giữa múi và kinh độ cần xác định hoặc kinh độ cho trước.

Căn cứ vào kinh độ đứng trước hay sau kinh độ giữa múi đồng thời kinh độ đó ở bán cầu Đông hay bán cầu Tây mà có thể (+) hay (-).

Ví dụ: Tại múi số 7 có giờ múi là 8h. Hãy cho biết giờ múi và giờ trung bình Mặt Trời cùng thời điểm đó tại trạm có kinh độ là $42^0 52' \text{Đ}$ và $42^0 52' \text{T}$?

Bài Giải

- Giờ múi : Múi số 7 là 8h

+ $42^0 52' \text{Đ}$ thuộc múi số 3, cách múi 7 là 4 múi, sẽ có giờ múi là:

$$8h - 4h = 4h$$

+ $42^0 52' \text{T}$ thuộc múi số 21, cách múi 7 là 14 múi, sẽ có giờ múi là:

$$8h + 14h = 22h$$

- Giờ trung bình Mặt Trời:

Kinh tuyến giữa múi 3 là 45^0 cách $42^0 52'$ là $2^0 8' = 4' 16''$

Tại $42^0 52' \text{Đ}$ có giờ TBMT là: $4h - 4' 16'' = 3h 55' 44''$

Tại $42^0 52' \text{T}$ có giờ TBMT là: $22h + 4' 16'' = 22h 4' 16''$

- Kết quả: $42^0 52' \text{Đ}$ có giờ múi là: 4h, giờ địa phương là: $3h 55' 44''$

$42^0 52' \text{T}$ có giờ múi là: 22h, giờ địa phương là: $22h 4' 16''$

****Công thức tính giờ:** $T_m = T_o + m$

Trong đó: T_m : giờ múi T_o : giờ GMT m : số thứ tự của múi giờ

Thiết lập công thức tính múi giờ:

Ở Đông bán cầu : $m = (\text{kinh tuyến Đông}) : 15^0$

Ở Tây bán cầu: 2 cách

Cách 1: $m = (360^0 - \text{Kinh tuyến Tây}) : 15^0$

Cách 2: $m = 24 - (\text{Kinh tuyến Tây}) : 15^0$

Áp dụng: Cho biết ở kinh tuyến số 100^0Đ , 100^0T , 115^0T , 176^0Đ thuộc múi giờ số mấy?

Bài làm

Kinh tuyến 100^0Đ thuộc múi giờ: $100^0 : 15 = 6,66$ (làm tròn số theo quy tắc toán học là 7).

Kinh tuyến 100°T thuộc múi giờ: $(360^{\circ} - 100^{\circ}) : 15 = 17$ nên thuộc múi giờ số 17.

Hoặc $24 - 7 = 17 \Rightarrow 17 - 24 = -7$ (nghĩa là múi giờ thuộc kinh tuyến 100°T là -7). Kinh tuyến 115°T thuộc múi giờ: $(360^{\circ} - 115^{\circ}) : 15 = 16$ thuộc múi giờ số 16

Hoặc $24 - 8 = 16 \Rightarrow 16 - 24 = -8$

Kinh tuyến 176°Đ thuộc múi giờ: $176 : 15 = 12$.

Tương tự tính múi giờ các nước sau:

Nước	Kinh độ	Múi giờ
Braxin	45°T	21
VN	105°Đ	7
Anh	0°	0
Nga	45°Đ	3
Mỹ	120°T	16
Ac hen ti na	60°T	20
Nam Phi	30°Đ	2
Dăm bi a	15°T	23
Trung Quốc	120°Đ	8

Tính giờ:

Giờ... (giờ đã biết) “+”; “-” (khoảng cách chênh lệch 2 múi giờ)-> “+” khi tính về phía đông, “-” tính về phía tây.

Tính giờ các nước = giờ nước ta +/- số múi.

Dấu “+” nếu nước đó ở bên phải nước ta

dấu “-” nếu nước đó ở bên trái nước ta.

Tóm lại:

- Giờ phía Đông = Giờ gốc+ khu vực giờ địa phương(múi giờ)
- Giờ phía Tây =khu vực giờ địa phương(múi giờ)- giờ gốc

Ví dụ: Khi ở kv giờ gốc là 12 giờ thì lúc đó ở nước ta là 19 giờ ($12 + 7 = 19$)

Khi ở kv giờ gốc là 12 giờ thì lúc đó ở Niu Ioc là

Khi ở kv giờ gốc là 12 giờ thì lúc đó ở Mat-xcơ-va là

Khi ở kv giờ gốc là 12 giờ thì lúc đó ở Niu đê li là

Khi ở kv giờ gốc là 12 giờ thì lúc đó ở Bắc Kinh là

Khi ở kv giờ gốc là 12 giờ thì lúc đó ở Tô ki ô là

VD : Vào lúc 19h ngày 15.2.2006 tại Hà Nội khai mạc SEAGAME 22. Hỏi lúc đó là mấy giờ, ngày bao nhiêu tại các địa điểm sau:

Xeun: 120°Đ ; Matxcova : 30°Đ ; Pari : 20°Đ ; Lot Angior let : 120°T (Biết Hà Nội : 105°Đ)

VD: Một chiếc máy bay cất cánh tại sân bay Tân Sơn Nhất lúc 6h ngày 1/3/2006 đến Luân Đôn sau 12h bay, máy bay hạ cánh.

Tính giờ máy bay hạ cánh tại Luân Đôn thì tương ứng là mấy giờ, ngày nào tại các địa điểm sau:

Vị trí	Tokyo	New Deli	Xitni	Washington	LotAngiolet
Kinh độ	135°Đ	75°Đ	150°Đ	75°Đ	120°T
Giờ					
Ngày, tháng					

BÀI TẬP TÍNH GIỜ

Bài 1.

Giờ múi của Việt Nam là 15h. Hãy xác định giờ múi của kinh tuyến 78°Đ , 78°T , 60°Đ , 60°T , 24°Đ , 24°T .

Bài 2.

Tại kinh độ $30^{\circ}38'\text{Đ}$, giờ múi là $10^{\text{h}}24'$. Hãy tính giờ múi và giờ trung bình Mặt trời cùng thời điểm đó ở nơi có kinh độ $48^{\circ}15'\text{Đ}$, $48^{\circ}15'\text{T}$ và $100^{\circ}54'\text{Đ}$, $100^{\circ}54'\text{T}$

Bài 3.

Giờ Múi tại trạm có kinh độ $64^{\circ}20'\text{Đ}$ là $12^{\text{h}}25'$. Tính giờ trung bình Mặt Trời và giờ múi cùng thời điểm đó tại nơi có kinh độ 113°Đ , 113°T .

Bài 4.

Tại khu vực có kinh độ $60^{\circ}28'$, giờ múi là $11^h25'$. Tính giờ trung bình Mặt Trời và giờ thực Mặt Trời cùng thời điểm đó, biết phương trình thời gian là $-5'$.

Bài 5.

Một trạm có kinh độ $40^{\circ}50'$, giờ trung bình Mặt Trời là $14h\ 54'$ tính giờ múi và giờ thực của Mặt Trời cùng thời điểm đó, biết phương trình thời gian là $-8'$.

Bài 6.

Thời gian mà tín hiệu truyền từ Leningrát là 12h. Trên đồng hồ ở trạm có kinh độ là $92^{\circ}40'$ Đ chỉ là $15h15'$ giờ trung bình Mặt trời và $16h03'$ giờ múi. Tính sai số đồng hồ.

Bài 7.

Một con tàu trên ÁĐDương nằm ở vùng có kinh độ là $84^{\circ}40'$ Đ, nhận được tín hiệu thời gian phát đi từ Greenwich là 10h. Khi đó đồng hồ trên tàu chỉ $13h50'$ giờ Matxcova và chỉ $16h02'$ giờ múi. Tính sai số đồng hồ.

Bài 8.

Giờ trung bình mặt trời đi qua $84^{\circ}30'$ Đ là $13h20'$, tính giờ múi và giờ trung bình Mặt Trời tại kinh độ $143^{\circ}20'$ Đ và $143^{\circ}20'$ T.

Bài 9.

Một nhóm nhà khoa học lạc trong rừng không có đồng hồ nhưng có máy đo kinh vĩ, họ có thể xác định giờ địa phương và giờ múi trong cùng một thời điểm tại nơi họ đang đứng bằng cách nào?

Bài 10.

Tại kinh độ $23^{\circ}32'$ Đ, giờ múi là $14h24'$. Tính giờ múi và giờ trung bình Mặt Trời cùng thời điểm đó ở nơi có kinh độ $58^{\circ}15'$ và $112^{\circ}9'$?

Bài 11.

Ở kinh độ $84^{\circ}40'$ Đ, có giờ hiển pháp ở Matxcova là $13h50'$, giờ múi là $16h02'$, giờ quốc tế là 10h. Tính sai số đồng hồ.

Bài 12.

Một trận bóng đá được tổ chức tại Anh vào lúc 20h ngày 15/10/2008, thì Hà Nội và Oasinhton là mấy giờ và vào ngày nào? Biết nước Anh ở múi giờ số 0, Hà Nội múi giờ số 7, Oasinhton múi giờ số 19.

Bài 13.

Một bức điện được đánh đi từ Hà Nội đến Oasinhton lúc 5 giờ sáng ngày 20-10-2008. Sau 2 giờ trao đến tay người nhận, hỏi lúc đó ở Oasinhton là mấy giờ?

Bài 14.

Một chuyến máy bay bay từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Pari vào lúc 2 giờ sáng ngày 1/1/2008, 5giờ sau máy bay hạ cánh xuống Pari. Hỏi lúc đó ở Pari là mấy giờ?

Bài 15.

Một trận bóng đá giữa Liverpool và Realmandrid diễn ra ở sân vận động tại Anh lúc 15h ngày 15/3/2008. Hỏi thủ đô một số nước sau đây là ngày, giờ nào?

- Hà Nội (múi giờ thứ 7)
- Bắc Kinh (múi giờ thứ 8)
- Matxcova (múi giờ số 2)
- Oasinhton (múi giờ số 19)

Bài tập tính nhiệt độ- độ cao

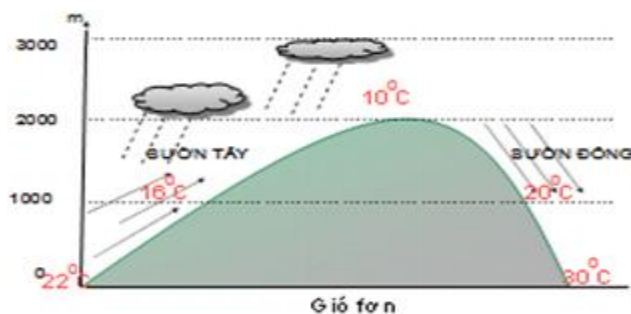
Tính độ cao của địa hình giữa hai sườn núi

(Hiện tượng của gió Fơn)

Nguyên tắc nhiệt độ trong tầng đối lưu.

- Sườn đón gió: Lên cao 100 m - $0,6^{\circ}\text{C}$

- Sườn khuất gió: Đi xuống 100 m + $1,0^{\circ}\text{C}$ (gió Fơn, gió Lào)



Bài 1. Dựa vào hình trên, em hãy tính độ cao trung bình nơi có nhiệt độ 100C

Giải:

Áp dụng nguyên tắc, trong tầng đối lưu, ở bên sườn đón gió cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,6⁰C; ở bên sườn khuất gió cứ xuống núi 100m không khí khô tăng 1⁰C

Ta áp dụng như sau:

+ Nhiệt độ chênh lệch bên sườn đón gió: 22⁰C – 10⁰C = 12⁰C

=> Độ cao sườn đón gió = (12⁰C / 0,6⁰C) x 100m = 2000m

(Chú thích thêm:

lên 100m ----- giảm 0,6 độ C

?m ----- giảm 12 độ C

Áp dụng quy tắc nhân chéo chia ngang)

+ Nhiệt độ chênh lệch bên sườn khuất gió: 30⁰C – 10⁰C = 20⁰C

=> Độ cao sườn khuất gió = (20⁰C / 1,0⁰C) x 100m = 2000m

Như vậy, tại nơi có nhiệt độ 10⁰C thì có độ cao địa hình là 2000m.

(Chú thích thêm:

xuống 100m ----- tăng 0,6 độ C

?m ----- tăng 20 độ C

Áp dụng quy tắc nhân chéo chia ngang)

Bài 2. Tính độ cao của đỉnh núi, biết rằng nhiệt độ chênh lệch giữa chân núi và đỉnh núi bên sườn đón gió là 1,80C

Bài 3. Hãy tính độ cao của đỉnh núi (đơn vị: km)?

Biết rằng: Bên sườn A của núi có gió từ biển mang không khí ẩm từ biển thổi đến, gây mưa. Gió này vượt qua đỉnh núi, khi qua sườn B của núi: trở nên nóng khô. Nhiệt độ: dưới chân núi thuộc sườn A là 25^oc và dưới chân núi thuộc sườn B là 45^oC

Giải:

Bài 4. Hãy tính độ cao của đỉnh núi (đơn vị: km)?Hãy tính nhiệt độ tại đỉnh núi cao 3100m và ở độ cao 50m bên sườn khuất gió ẩm. Biết rằng, tại sườn đón gió ẩm ở độ cao 100m có nhiệt độ là 27 °C.

Phương pháp giải

+ Ở sườn đón gió, theo tiêu chuẩn của không khí ẩm, trung bình cứ lên cao 1000m nhiệt độ giảm 6°C.

+ Ở sườn khuất gió, theo tiêu chuẩn của không khí khô, khi xuống trung bình 100m nhiệt độ tăng 1°C.

- Nhiệt độ tại đỉnh núi 3100m:

- Nhiệt độ tại độ cao 50m bên sườn khuất gió:

Mở rộng

Bài tập 1: Một ngọn núi có độ cao 2500m. Tại chân núi (độ cao 0m) có nhiệt độ là 28°C . Hãy tính nhiệt độ tại đỉnh núi đó, biết rằng không khí ở sườn đón gió ẩm có nhiệt độ giảm trung bình $0,6^{\circ}\text{C}$ khi lên cao 100m.

Bài tập 2: Nhiệt độ tại đỉnh một ngọn núi cao 3500m là 5°C . Hãy tính nhiệt độ tại chân núi (độ cao 0m) của sườn đón gió, biết rằng nhiệt độ giảm trung bình $0,6^{\circ}\text{C}$ khi lên cao 100m.

Bài tập 3: Tại chân một ngọn núi (độ cao 0m), nhiệt độ là 30°C . Tại đỉnh núi, nhiệt độ là 9°C . Giả sử nhiệt độ giảm đều $0,6^{\circ}\text{C}$ khi lên cao 100m. Hỏi ngọn núi này cao bao nhiêu mét?

Bài tập 4. Hãy tính nhiệt độ tại đỉnh núi cao 3100m và ở độ cao 50m bên sườn khuất gió ẩm. Biết rằng, tại sườn đón gió ẩm ở độ cao 100m có nhiệt độ là 27°C .